ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /2019/QĐ-UBND	*Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 08 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3547/TTr-STC ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc dự thảo Quyết định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (sau đây gọi là Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg) và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; các đơn vị sự

nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Máy móc, thiết bị chuyên dùng cần xây dựng tiêu chuẩn, định mức khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Là máy móc, thiết bị có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình cao hơn máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến và máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Mức giá làm căn cứ xây dựng tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Điều 4 Quyết định này là giá phổ biến trên thị trường (giá đã được các nhà cung cấp niêm yết, thông báo trên thị trường) hoặc tham khảo giá mua của các kỳ trước, đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật.

3. Việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phải đảm bảo đúng thẩm quyền được giao, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và nhu cầu sử dụng tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định của mình.

4. Các Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phải:

a) Công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Gửi cơ quan Kho bạc nhà nước cùng cấp để thực hiện kiểm soát chi và thanh toán khi cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

c) Gửi Sở Tài chính theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản về chủng loại, số lượng của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản:

a) Văn phòng Tỉnh ủy; các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) trang bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản về chủng loại, số lượng của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội và các Ban quản lý dự án chuyên ngành cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) trang bị tại cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản về chủng loại, số lượng của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trường hợp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phân cấp thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quyết định này, trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 5 năm 2019.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

b) Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bổ sung Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

c) Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bổ sung Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu

chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

d) Quyết định số 3314/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bổ sung Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

đ) Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 về tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2017 về quy định tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Thực hiện rà soát danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, lập hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng chuyển Sở Tài chính thẩm định và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành;

b) Thực hiện rà soát danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, lập hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng lấy ý kiến của Sở Tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành;

c) Kịp thời đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp cho phù hợp quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chế độ công khai, báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định này và Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg.

2. Sở Tài chính:

a) Triển khai, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Quyết định này;

b) Chủ trì, xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

c) Có ý kiến bằng văn bản về hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng có mức giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

d) Theo dõi việc thực hiện phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy

định tại Quyết định này; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh khi có phát sinh những khó khăn, vướng mắc hoặc sai phạm trong quá trình thực hiện;

đ) Tổng hợp, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng cho phù hợp quy định của pháp luật.

3. Kho bạc nhà nước tỉnh:

a) Triển khai nội dung Quyết định này đến cơ quan Kho bạc nhà nước cấp dưới trực thuộc để tổ chức thực hiện;

b) Căn cứ phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Điều 4 Quyết định này; căn cứ tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành để thực hiện kiểm soát chi theo quy định.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 7;
- Các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Đài PT – TH tỉnh, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, STC (03).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long